

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**QUÝ 2 CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT
SANEST KHÁNH HÒA**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2 - 3
3. Báo cáo của Ban Điều hành	4
4. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	5 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	10 - 11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	14 - 44

THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanest Khánh Hòa theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanest Khánh Hòa.

Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201675916 thay đổi lần thứ 1 ngày 16 tháng 11 năm 2017 được cấp bởi Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH một thành viên sang công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanest Khánh Hòa.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi đến lần thứ năm ngày 05 tháng 5 năm 2026 bởi Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa do thay đổi người đại diện theo pháp luật và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Điện thoại : 0258 3865 666
- Fax : 0258 3865 664

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Địa điểm kinh doanh cửa hàng 158 Ngô Gia Tự, Phan Rang – Tháp Chàm, Ninh Thuận	158 Ngô Gia Tự, Phường Thanh Sơn, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng 321 Trần Hưng Đạo, Phan Thiết, Bình Thuận	321 Trần Hưng Đạo, phường Bình Hưng, tỉnh Lâm Đồng

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Khoa Bảo	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2026
Ông Lê Đức Tiến	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2026
Ông Lê Hoàng Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2025
Bà Bùi Thị Hạnh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Xuân Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Huy Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2026
Bà Nguyễn Thị Hải Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2026

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Hoàng Thị Ân Vũ	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Minh Quân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Bà Lê Thị Thanh Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2026
Bà Huỳnh Thị Trần Lê	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2026

Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Lê Hoàng Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2024
Ông Nguyễn Xuân Anh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Ông Trương Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Minh Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2024
Bà Ngô Thị Xuân Nghĩa	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2025

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Khoa Bảo	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Từ ngày 22 tháng 4 năm 2026
Ông Lê Đức Tiến	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Đến ngày 22 tháng 4 năm 2026

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban điều hành đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công bố của Ban điều hành

Theo ý kiến của Ban điều hành, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban điều hành,



Nguyễn Khoa Bảo
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện pháp luật

Ngày 29 tháng 7 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		439.275.207.492	513.986.554.063
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	102.850.193.969	136.465.300.503
1. Tiền	111		102.850.193.969	79.465.300.503
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	57.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		32.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	32.000.000.000	-
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43.420.919.823	36.380.400.746
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	40.315.442.724	33.972.162.681
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.967.963.487	1.377.266.081
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	1.137.513.612	1.030.971.978
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		-	-
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		254.900.024.980	331.757.156.655
1. Hàng tồn kho	141	V.6	254.900.024.980	331.757.156.655
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		6.104.068.720	9.383.696.165
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.7a	4.299.538.843	3.578.377.948
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		-	128.151.719
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.14	1.804.529.877	5.677.166.498
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		171.333.606.670	180.042.423.172
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		89.976.000.063	94.943.162.963
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	89.220.948.764	94.648.406.718
- Nguyên giá	222		367.220.048.143	361.836.413.551
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(277.999.099.379)	(267.188.006.833)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	755.051.299	294.756.245
- Nguyên giá	228		1.798.297.779	1.198.297.779
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.043.246.480)	(903.541.534)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn				
a) trưởng thành	232		-	-
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng				
b) thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		5.178.317.329	6.183.328.177
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.10	5.178.317.329	6.183.328.177
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		72.000.000.000	72.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	261	V.2b	72.000.000.000	72.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		4.179.289.278	6.915.932.032
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.7b	1.721.792.510	3.997.654.620
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.11	2.457.496.768	2.918.277.412
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		610.608.814.162	694.028.977.235

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		201.766.867.606	267.556.809.037
I. Nợ ngắn hạn	310		201.766.867.606	267.556.809.037
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	64.656.520.129	128.544.168.248
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	775.543.099	29.605.929
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	2.704.063.813	6.592.613.920
5. Phải trả người lao động	315	V.15	43.606.472.710	21.853.782.094
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.16	1.216.493.797	1.597.116.571
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.17	5.033.064.655	9.736.652.483
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.18	79.425.273.934	96.006.633.136
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	4.349.435.469	3.196.236.656
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339		-	-
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		408.841.946.556	426.472.168.198
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	330.000.000.000	330.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		330.000.000.000	330.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	43.978.360.147	40.462.917.240
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.20	34.863.586.409	56.009.250.958
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ				
- trước	420a		11.645.354.446	56.009.250.958
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		23.218.231.963	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		610.608.814.162	694.028.977.235



Ngô Thị Xuân Nghĩa
 Người lập biểu/Kế toán trưởng



Lê Hoàng Anh
 Tổng Giám đốc



Phê duyệt, ngày 29 tháng 7 năm 2026

Nguyễn Khoa Bảo
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	343.671.577.347	309.032.851.155	747.558.556.099	621.575.203.288
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	3.509.794.444	97.309.300	3.509.794.444
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		343.671.577.347	305.523.056.711	747.461.246.799	618.065.408.844
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	279.715.078.582	242.816.545.984	609.777.808.158	498.102.822.051
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		63.956.498.765	62.706.510.727	137.683.438.641	119.962.586.793
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	1.042.461.986	269.549.441	1.563.576.529	708.084.361
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	2.088.953.134	945.356.374	3.646.874.479	2.113.947.246
Trong đó: chi phí đi vay	24		2.088.953.134	945.356.374	3.646.874.479	2.108.072.897
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	28.827.057.846	30.806.335.300	58.491.573.798	49.165.163.251
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	13.100.584.371	12.996.743.130	34.014.109.943	30.169.309.204
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.982.365.400	18.227.625.364	43.094.456.950	39.222.251.453

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
12. Thu nhập khác	31	VI.8	3.270.000	369.621.152	3.270.000	378.880.006
13. Chi phí khác	32	VI.9	-	1.291.703	-	37.842.232
14. Lợi nhuận khác	40		3.270.000	368.329.449	3.270.000	341.037.774
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.985.635.400	18.595.954.813	43.097.726.950	39.563.289.227
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	3.746.878.732	3.719.190.963	8.169.297.042	7.912.657.846
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	460.780.644	-	460.780.644	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>16.777.976.024</u>	<u>14.876.763.850</u>	<u>34.467.649.264</u>	<u>31.650.631.381</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11				
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11				

Ngô Thị Xuân Nghĩa
Người lập biểu/Kế toán trưởng

Lê Hoàng Anh
Tổng Giám đốc



Phê duyệt, ngày 29 tháng 7 năm 2026

Nguyễn Khoa Bảo
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		43.097.726.950	39.563.289.227
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.11	10.916.702.617	11.018.991.702
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(15.842.485)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.4	(1.562.752.495)	(687.021.880)
- Chi phí đi vay	06	VI.5	3.646.874.479	2.108.072.897
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		56.098.551.551	51.987.489.461
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.696.591.093)	(32.809.129.722)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	76.857.131.675	21.574.150.381
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(51.386.453.897)	(72.911.859.519)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	V.7	1.554.701.215	6.381.289.665
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14	VI.5	(3.646.874.479)	(2.108.072.897)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(9.505.764.440)	(10.984.807.994)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.19	120.000.000	127.020.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(5.877.687.000)	(25.251.473.319)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		62.517.013.532	(63.995.393.944)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8,V.9, V.4,V.12	(4.563.513.359)	(5.145.594.628)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(32.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	1.562.752.495	4.872.826.217
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(35.000.760.864)	(272.768.411)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	161.905.395.284	146.687.093.058
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(178.486.754.486)	(147.193.949.367)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.5, V.20	(44.550.000.000)	(38.247.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(61.131.359.202)	(38.753.856.309)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(33.615.106.534)	(103.022.018.664)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	136.465.300.503	127.182.713.162
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	15.842.485
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	102.850.193.969	24.176.536.983

Ngô Thị Xuân Nghĩa
 Người lập biểu/Kế toán trưởng

Lê Hoàng Anh
 Tổng Giám đốc



Phê duyệt, ngày 29 tháng 7 năm 2026

Nguyễn Khoa Bảo
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa có trụ sở chính tại Lô 10 Cụm Công nghiệp Diên Phú -VCN, xã Diên Điện, tỉnh Khánh Hòa. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là Bán buôn, bán lẻ thực phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Địa điểm kinh doanh cửa hàng 158 Ngô Gia Tự, Phan Rang – Tháp Chàm, Ninh Thuận	158 Ngô Gia Tự, Phường Thanh Sơn, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng 321 Trần Hưng Đạo, Phan Thiết, Bình Thuận	321 Trần Hưng Đạo, phường Bình Hưng, tỉnh Lâm Đồng

6. Số lượng người lao động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 717 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 754 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính (“Thông tư 99”) thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột “Số đầu năm” và cột “Kỳ trước” trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM (Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết) thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán "SKH" theo Quyết định số 870/QĐ-SGDHN ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 25 tháng 10 năm 2017.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam ("VND") do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99") và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (trừ các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ). Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày theo số thuần giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” hoặc “Tài sản dài hạn khác” tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ có các khoản tiền gửi có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua (phí giao dịch, hoa hồng môi giới,...). Lãi dồn tích từ kỳ trước tính đến ngày mua được ghi giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Thu nhập lãi sau ngày mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy, tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư. Trường hợp các bằng chứng tổn thất giảm đi hoặc không còn trong kỳ sau, phần tổn thất đã ghi nhận được hoàn nhập và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Công ty vay vốn để đầu tư vào công ty con thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ hoặc khoản đầu tư bị suy giảm giá trị dẫn đến Công ty có khả năng bị mất vốn. Mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại công ty con tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của công ty con tại cùng thời điểm.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ. Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ và chi phí vật tư.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng hoặc từng dịch vụ cung cấp dở dang có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường và sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường không được trình bày là hàng tồn kho mà được trình bày là tài sản dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính.

7. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Công ty thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Công ty như sau:

Chi phí công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng hoặc cho thuê liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính (không quá 36 tháng).

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh hình thành khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được ghi nhận theo giá trị xác định trong Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30 tháng 6 năm 2016. Lợi thế kinh

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

doanh được phân bổ vào chi phí không quá 10 năm kể từ ngày Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

Chi phí mua bảo hiểm trả trước

Chi phí mua bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự, bảo hiểm thân xe, bảo hiểm tài sản và các loại bảo hiểm khác đã trả trước cho nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm (12 tháng).

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	04 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	04 - 10

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay ("VAS 16"). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/hao mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hàng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Việc xác định phương pháp kế toán áp dụng căn cứ vào bản chất thực tế của từng hợp đồng, đặc biệt là sự tồn tại hay không của quyền đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được xác định khi các quyết định liên quan đến các hoạt động chủ yếu của BCC đòi hỏi phải có sự đồng thuận của tất cả các bên có quyền kiểm soát chung, không phụ thuộc vào tỷ lệ góp vốn hay hình thức pháp lý của hợp đồng.

Trong mọi trường hợp, khi Công ty là bên nhận tiền hoặc tài sản của các bên khác đóng góp cho BCC, khoản nhận này được ghi nhận là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Đối với BCC có quyền đồng kiểm soát

BCC theo hình thức chia lợi nhuận sau thuế

Các bên chỉ được phân chia lợi nhuận nếu BCC có lãi và phải gánh chịu lỗ nếu BCC bị lỗ.

Công ty được chỉ định là bên kế toán và quyết toán thuế cho BCC, Công ty ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí phát sinh của BCC vào sổ kế toán để xác định kết quả và nghĩa vụ thuế. Tuy nhiên, Công ty chỉ ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu và chi phí tương ứng với tỷ lệ Công ty được hưởng hoặc phải gánh chịu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Xử lý khi BCC đồng kiểm soát chấm dứt hoặc Công ty rút khỏi BCC

Đối với BCC theo hình thức chia lợi nhuận sau thuế: bên kế toán thực hiện tất toán toàn bộ tài sản, nợ phải trả của BCC trên sổ kế toán, xác định kết quả thanh lý và phân bổ cho các bên tham gia theo tỷ lệ thỏa thuận trong hợp đồng. Phần kết quả thanh lý được chia cho Công ty được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Khi ghi nhận nghĩa vụ chi trả, cổ tức phải trả bằng tiền được hạch toán vào “Phải trả cổ tức, lợi nhuận” và được trình bày là nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Lợi nhuận được chia

Lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ hoạt động đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị khác, thời điểm ghi nhận được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của đơn vị nhận đầu tư. Chỉ phần lợi nhuận thuộc giai đoạn sau ngày đầu tư mới được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, phần thuộc giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản này được theo dõi riêng và kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: đây là sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, là tài sản cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán, được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa chi phí đi vay bắt đầu khi đồng thời thỏa mãn cả ba điều kiện:

- Chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đã phát sinh;
- Chi phí đi vay đã phát sinh; và
- Các hoạt động cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.

Việc vốn hóa tạm ngừng trong các giai đoạn quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bị gián đoạn một cách bất thường. Việc vốn hóa chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Đối với khoản vay riêng biệt phục vụ việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa là chi phí đi vay thực tế phát sinh trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay này.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hay thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời đó, đồng thời được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng khi có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì không được phản ánh vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào cuối mỗi kỳ kế toán và được giảm xuống trong phạm vi không còn chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất và quy định thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ với nhau khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

- Công ty mẹ, công ty con trong cùng tập đoàn.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Theo bản chất mối quan hệ kinh tế và tham chiếu thực tiễn quốc tế, Công ty cũng coi các bên đối tác cùng đồng kiểm soát BCC với Công ty là các bên liên quan.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- Doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận.
- Kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn).
- Tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.491.693.392	1.794.698.668
Tiền gửi không kỳ hạn	71.358.500.577	77.670.601.835
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	48.476.498.138	32.833.890.930
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	16.498.729.774	20.469.530.874
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Khánh Hòa	1.966.330.378	14.952.635.660
- Các ngân hàng khác	4.416.942.287	9.414.544.371
Tiền đang chuyển tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Khánh Hòa	30.000.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	-	57.000.000.000
- Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Khánh Hòa	-	12.000.000.000
- Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa	-	10.000.000.000
- Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 02 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa	-	10.000.000.000
- Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa	-	5.000.000.000
- Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	-	11.000.000.000
- Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 02 tháng tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	-	9.000.000.000
Cộng	102.850.193.969	136.465.300.503

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng, chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ngân hàng TMCP Á Châu	27.000.000.000	27.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Liệu	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Cộng	32.000.000.000	32.000.000.000	-	-

Tất cả các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn đều có khả năng thu hồi, không cần trích lập dự phòng. Không có biến động dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trong kỳ.

2b. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	72.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000
Cộng	72.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000

Khoản đầu tư vào công ty con có khả năng thu hồi, không cần trích lập dự phòng. Không có biến động dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trong kỳ.

Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ năm ngày 08 tháng 5 năm 2026 do Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa cấp với vốn điều lệ là 72.000.000.000 VND do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ. Tại ngày đầu năm và ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký.

Giá trị có thể thu hồi

Khoản đầu tư vào công ty con không xác định được giá trị hợp lý, giá trị có thể thu hồi được xác định dựa trên vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư theo tỷ lệ vốn góp, căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty con hoạt động kinh doanh bình thường.

Giao dịch với công ty con

Giao dịch giữa Công ty với các công ty con được trình bày tại thuyết minh số VIII.1b.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	39.572.312.983	-	33.035.573.238	-
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yên sào Khánh Hòa	1.910.162.287	-	17.157.881.638	-
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yên sào Khánh Hòa	37.661.310.696	-	15.877.691.600	-
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	840.000	-	-	-
Phải thu các khách hàng khác	743.129.741	-	936.589.443	-
Các khách hàng khác	743.129.741	-	936.589.443	-
Cộng	40.315.442.724	-	33.972.162.681	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty SALLYCOS	1.533.669.960	-
Công Ty TNHH Kỹ thuật và Thương mại Pacific Hitech	-	705.534.570
Công ty TNHH Cơ khí Kim Vinh Hưng	-	216.040.000
Các nhà cung cấp khác	434.293.527	455.691.511
Cộng	1.967.963.487	1.377.266.081

Trong đó, khoản ứng trước để mua sắm, xây dựng tài sản cố định là 96.228.000 VND (số đầu năm là 1.146.851.770 VND).

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	186.103.488	-	-	-
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yên sào Khánh Hòa - cổ tức chi trả thừa	186.103.488	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	951.410.124	-	1.030.971.978	-
Phải thu Bảo hiểm xã hội của người lao động	549.395.233	-	556.058.697	-
Bà Lê Thu Hương - đặt cọc thuê nhà	120.000.000	-	-	-
Các khoản ký cược, ký quỹ khác	113.033.891	-	113.033.891	-
Phải thu của người lao động – tiền tạm ứng công tác	109.125.000	-	349.879.390	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	59.856.000	-	12.000.000	-
Cộng	1.137.513.612	-	1.030.971.978	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	168.384.388.992	-	216.764.519.461	-
Công cụ, dụng cụ	58.209.685.340	-	34.115.915.096	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.355.586.721	-	15.650.417.021	-
Thành phẩm	16.950.971.152	-	58.142.752.605	-
Hàng hóa	3.107.734.817	-	5.253.608.539	-
Hàng gửi đi bán	891.657.958	-	1.829.943.933	-
Cộng	254.900.024.980	-	331.757.156.655	-

7. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.332.658.220	1.202.651.664
Chi phí bảo hiểm	1.869.624.031	1.550.432.340
Chi phí băng hiệu	519.349.491	638.971.667
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	577.907.101	186.322.277
Cộng	4.299.538.843	3.578.377.948

7b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.319.220.588	1.307.311.462
Giá trị lợi thế kinh doanh	-	2.303.903.185
Chi phí bản quyền phần mềm	197.559.976	-
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	205.011.946	386.439.973
Cộng	1.721.792.510	3.997.654.620

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	167.673.336.931	161.116.690.754	20.111.844.698	561.485.455	12.373.055.713	361.836.413.551
Mua trong kỳ	62.013.000	3.200.035.500	435.000.000	-	485.000.000	4.182.048.500
Đầu tư xây dựng hoàn thành	1.201.586.092	-	-	-	-	1.201.586.092
Số cuối kỳ	168.936.936.023	164.316.726.254	20.546.844.698	561.485.455	12.858.055.713	367.220.048.143

Trong đó:

Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	18.454.826.616	119.245.851.148	6.161.384.900	380.303.636	3.078.957.996	147.321.324.296
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

**Giá trị hao mòn
lũy kế**

Số đầu năm	110.508.349.816	136.038.736.665	11.108.363.731	479.675.655	9.052.880.966	267.188.006.833
------------	-----------------	-----------------	----------------	-------------	---------------	-----------------

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Khấu hao trong kỳ	6.196.987.018	3.292.511.719	730.416.944	30.196.970	560.979.895	10.811.092.546
Số cuối kỳ	116.705.336.834	139.331.248.384	11.838.780.675	509.872.625	9.613.860.861	277.999.099.379

Giá trị còn lại

Số đầu năm	57.164.987.115	25.077.954.089	9.003.480.967	81.809.800	3.320.174.747	94.648.406.718
Số cuối kỳ	52.231.599.189	24.985.477.870	8.708.064.023	51.612.830	3.244.194.852	89.220.948.764

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Danh mục tài sản cố định hữu hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà xưởng sản xuất	88.027.539.113	80.246.850.642	7.780.688.471
Hệ thống máy móc thiết bị sản xuất	99.793.899.865	99.793.899.865	-
Các tài sản cố định hữu hình khác	179.398.609.165	97.958.348.872	81.440.260.293
Cộng	367.220.048.143	277.999.099.379	89.220.948.764

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.198.297.779	903.541.534	294.756.245
Đầu tư xây dựng hoàn thành	600.000.000		
Khấu hao trong kỳ		139.704.946	
Số cuối kỳ	1.798.297.779	1.043.246.480	755.051.299

Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 594.277.779 VND.

Danh mục tài sản cố định vô hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Phần mềm giải pháp quản trị tổng thể nguồn NS HiStaff	600.000.000	56.451.613	543.548.387
Phần mềm quản lý nhân sự HrOnline	330.000.000	330.000.000	-
Chương trình phần mềm quản lý khác	868.297.779	656.794.867	211.502.912
Cộng	1.798.297.779	1.043.246.480	755.051.299

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Các công trình nghiên cứu các sản	3.522.033.513	212.526.707	-	3.734.560.220

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
phẩm mới				
Lắp đặt máy co màng PE block 6	763.704.861	-	-	763.704.861
Phần mềm giải pháp quản trị tổng thể nguồn lực	480.000.000	120.000.000	(600.000.000)	-
Nhà yển số 9- Đức Cơ 01	916.462.418	285.123.674	(1.201.586.092)	-
Các công trình khác	501.127.385	178.924.863	-	680.052.248
Cộng	6.183.328.177	796.575.244	(1.801.586.092)	5.178.317.329

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại***Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận***

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận liên quan đến chi phí lợi thế kinh doanh phân bổ nhanh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.918.277.412	2.918.277.412
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(460.780.644)	-
Số cuối kỳ	2.457.496.768	2.918.277.412

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	5.929.493.313	29.565.862.640
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	4.106.813.670	29.467.424.669
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	1.025.219.285	-
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	638.383.358	75.854.751
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang	159.077.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam	-	22.583.220
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	58.727.026.816	98.978.305.608
Công ty TNHH Lon nước giải khát TBC-BALL Việt Nam	12.957.324.343	12.205.636.221
Công ty TNHH 79 Ngô Gia Tự	8.983.072.476	25.116.033.832
Công ty TNHH NHT	6.680.370.996	6.027.188.076
Các nhà cung cấp khác	30.106.259.001	55.629.447.479
Cộng	64.656.520.129	128.544.168.248

Trong đó, khoản phải trả người bán về mua sắm, xây dựng tài sản cố định là 80.622.000 VND (số đầu năm là 750.230.260 VND).

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
L&FS Global Trading P/L	355.337.023	-
Các khách hàng khác	420.206.076	29.605.929
Cộng	775.543.099	29.605.929

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Điều chỉnh khác	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa		- 5.266.754.608	25.612.278.656	(18.620.832.850)	-	1.724.691.198	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	(57.650.589)	-	-	57.650.589
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	410.411.890	8.169.297.042	(9.505.764.440)	-	-	1.746.879.288
Thuế thu nhập cá nhân	6.592.492.062	-	1.140.342.302	(1.190.106.182)	(5.563.500.000)	979.228.182	-
Tiền thuê đất, thuế đất phi nông nghiệp	-	-	35.327.650	(35.327.650)	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	121.858	-	100.144.433	(100.121.858)	-	144.433	-
Cộng	6.592.613.920	5.677.166.498	35.057.390.083	(29.509.803.569)	(5.563.500.000)	2.704.063.813	1.804.529.877

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác được thanh toán trong ngắn hạn.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Hàng xuất khẩu : 0%
- Đường phèn, đường kết tinh, nước sạch : 5%
- Hàng hóa khác : 10%

06 tháng đầu năm 2026, thuế suất giá trị gia tăng của một số mặt hàng, dịch vụ chịu thuế 10% giảm xuống còn 8% theo Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.097.726.950	39.563.289.227
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.303.903.220)	-
Thu nhập chịu thuế/Thu nhập tính thuế	40.793.823.730	39.563.289.227
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	8.158.764.746	7.912.657.845
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	10.532.296	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	8.169.297.042	7.912.657.846

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 7.284,7 m² đất đang sử dụng tại Nam Cam Ranh với mức 2.376 VND/m² theo Quyết định số 3863/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 và Quyết định số 3864/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng hiệu quả còn phải trả cho người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các chi phí phục vụ hoạt động bán hàng	968.870.077	1.132.378.162
Chi phí tiền điện phải trả	231.569.334	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	16.054.386	464.738.409
Cộng	1.216.493.797	1.597.116.571

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	550.654.773	1.006.658.693
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quỹ thường Ban điều hành	550.654.773	1.006.658.693
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	4.482.409.882	8.729.993.790
Kinh phí công đoàn	4.267.869.693	4.229.910.024
Thuế TNCN còn phải hoàn trả cho người lao động	-	4.355.883.390
Các khoản ký quỹ, ký cược	55.500.000	55.500.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	159.040.189	88.700.376
Cộng	5.033.064.655	9.736.652.483

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	79.425.273.934	64.603.267.580
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	-	10.306.722.139
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	21.096.643.417
Cộng	<u>79.425.273.934</u>	<u>96.006.633.136</u>

Công ty có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2025/HMCV-SANEST ngày 20 tháng 6 năm 2025 và tiếp tục được gia hạn cấp tín dụng đến hết ngày 31 tháng 8 năm 2026 để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương án sử dụng vốn vay nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định, hạn mức vay là 150 tỷ đồng, thời hạn giải ngân trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất tiền vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng cho vay hạn mức số 38/2025-HĐCVHM/NHCT580-KHDNL ngày 26 tháng 6 năm 2025 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; hạn mức cho vay là 100 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay tối đa là 05 tháng, lãi suất tiền vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này đã tắt toán trong kỳ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng cấp tín dụng số 287651.25.800.3635296.TD ngày 28/08/2025, hạn mức vay là 100 tỷ đồng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh yền sào, các sản phẩm chế biến từ yền, thời hạn vay 05 tháng, thời hạn hợp đồng vay đến 31/03/2026. Khoản vay này đã tắt toán trong kỳ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	96.006.633.136	105.011.428.423
Số tiền vay phát sinh	161.905.395.284	146.687.093.058
Số tiền vay đã trả	(178.486.754.486)	(143.835.724.867)
Số cuối kỳ	<u>79.425.273.934</u>	<u>107.862.796.614</u>

Công ty không có các khoản vay và nợ quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích từ lợi nhuận</u>	<u>Nhận khen thưởng</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	125.185.084	703.088.581	120.000.000	(757.000.000)	191.273.665

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích từ lợi nhuận</u>	<u>Nhận khen thưởng</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ phúc lợi	3.071.051.572	6.327.797.232	-	(5.240.687.000)	4.158.161.804
Cộng	3.196.236.656	7.030.885.813	120.000.000	(5.997.687.000)	4.349.435.469

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	330.000.000.000	34.425.737.740	49.800.150.892	414.225.888.632
Chia cổ tức năm 2024	-	-	(38.247.000.000)	(38.247.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	31.650.631.381	31.650.631.381
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển	-	2.994.705.845	(2.994.705.845)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(5.989.411.691)	(5.989.411.691)
Tạm trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	(598.941.170)	(598.941.170)
Số dư cuối kỳ trước	330.000.000.000	37.420.443.585	33.620.723.567	401.041.167.152
Số dư đầu năm nay	330.000.000.000	40.462.917.240	56.009.250.958	426.472.168.198
Chia cổ tức năm 2025	-	-	(44.363.896.512)	(44.363.896.512)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	34.467.649.264	34.467.649.264
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển	-	3.515.442.907	(3.515.442.907)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(7.030.885.813)	(7.030.885.813)
Tạm trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	(703.088.581)	(703.088.581)
Số dư cuối kỳ này	330.000.000.000	43.978.360.147	34.863.586.409	408.841.946.556

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết góp vốn theo cổ đông lớn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa	168.500.000.000	168.500.000.000
Các cổ đông khác	161.500.000.000	161.500.000.000
Cộng	330.000.000.000	330.000.000.000

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.000.000	33.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	33.000.000	33.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.000.000	33.000.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20d. Phân phối lợi nhuận

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết số 01/2026-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026 như sau:

	Số được phân phối năm trước		Số đã trích trong năm trước	Số còn phải trích
	Số được phân phối theo BCTC hợp nhất	Trong đó: Số được phân phối của Công ty mẹ		
Chia cổ tức cho cổ đông	44.550.000.000	44.550.000.000	186.103.488	44.363.896.512
Trích quỹ đầu tư phát triển	6.554.531.697	6.037.179.500	6.037.179.500	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.109.063.393	12.074.359.000	12.074.359.000	-
Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quỹ thưởng Ban điều hành	1.310.906.339	1.207.435.901	1.207.435.901	-

Ngoài ra, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận của 6 tháng đầu của năm 2026 như sau:

	Số tiền (VND)
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 3.515.442.907
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 7.030.885.813
• Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quỹ thưởng Ban điều hành	: 703.088.581

21. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

21a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	678.454.320	1.162.231.200
Trên 1 năm đến 5 năm	73.790.640	752.244.960
Cộng	752.244.960	1.914.476.160

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê mặt bằng tại Cửa hàng tại 158 Ngô Gia Tự, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa với giá thuê cho năm đầu tiên là 18.480.000 VND/tháng, mỗi năm tăng đơn giá thêm 10%. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn tính từ ngày 10 tháng 4 năm 2024 đến ngày 09 tháng 4 năm 2028.
- Tổng số tiền thuê mặt bằng làm Văn phòng tại 9D Lê Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với giá thuê là 65.000.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 02 năm tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
- Tổng số tiền thuê mặt bằng làm Cửa hàng tại 147 Trần Hưng Đạo, Phan Thiết, Lâm Đồng với giá thuê là 20.000.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến ngày 01 tháng 9 năm 2026.

21b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền chỉ có 14.003,14 USD (số đầu năm là 1.568,03 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thành phẩm	311.857.848.583	280.653.185.483	661.754.789.949	566.882.106.189
Doanh thu bán hàng hóa	30.070.885.000	27.910.886.811	82.135.295.145	53.469.065.395
Doanh thu bán nguyên vật liệu	736.895.250	310.434.600	1.917.151.650	917.495.600
Doanh thu khác	1.005.948.514	158.344.261	1.751.319.355	306.536.104
Cộng	343.671.577.347	309.032.851.155	747.558.556.099	621.575.203.288

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VIII.1b.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	-	3.509.794.444	97.309.300	3.509.794.444
Cộng	-	3.509.794.444	97.309.300	3.509.794.444

3. Giá vốn hàng bán

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	250.026.886.708	214.592.075.687	526.604.365.429	443.819.100.066
Giá vốn của hàng hóa đã bán	28.071.970.692	27.773.741.322	79.854.961.969	53.091.262.515
Giá vốn của nguyên vật liệu	732.643.639	310.454.414	1.933.040.400	917.208.424
Giá vốn khác	883.577.543	140.274.561	1.385.440.360	275.251.046
Cộng	279.715.078.582	242.816.545.984	609.777.808.158	498.102.822.051

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.041.637.952	250.180.265	1.562.752.495	687.021.880
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	824.034	5.219.996	824.034	5.219.996
Lãi chênh lệch tỷ	-	14.149.180	-	15.842.485

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ				
Cộng	1.042.461.986	269.549.441	1.563.576.529	708.084.361

5. Chi phí tài chính

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay –				
Lãi vay	2.088.953.134	945.356.374	3.646.874.479	2.108.072.897
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	-	5.874.349
Cộng	2.088.953.134	945.356.374	3.646.874.479	2.113.947.246

6. Chi phí bán hàng

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	13.502.285.270	6.394.226.313	24.368.686.470	11.130.831.761
Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ, dụng cụ	1.301.044.142	3.482.626.430	5.844.413.620	6.648.473.179
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.480.273	30.263.984	84.960.546	60.527.968
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.496.466.848	5.163.628.507	11.932.202.145	10.034.104.272
- Chi phí vận chuyển	2.387.241.117	3.002.925.178	6.607.113.016	5.965.883.118
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	3.109.225.731	2.160.703.329	5.325.089.129	4.068.221.154
Các chi phí khác	8.484.781.313	15.735.590.066	16.261.311.017	21.291.226.071
- Chi phí cho đại lý, nhà phân phối	2.281.747.741	10.862.912.390	6.203.008.736	13.051.518.799
- Các chi phí khác	6.203.033.572	4.872.677.676	10.058.302.281	8.239.707.272
Cộng	28.827.057.846	30.806.335.300	58.491.573.798	49.165.163.251

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.586.622.338	7.567.010.909	19.157.513.795	15.658.149.079
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	529.684.184	1.120.765.739	2.757.862.122	1.628.376.545
Chi phí khấu hao tài sản cố định	376.761.806	313.911.546	721.989.069	623.407.945

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thuế, phí và lệ phí	79.557.650	206.017.728	179.557.650	217.017.728
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.315.062.193	1.352.430.047	2.781.496.270	2.886.800.291
Các chi phí khác	1.212.896.200	2.436.607.161	8.415.691.037	9.155.557.616
Cộng	13.100.584.371	12.996.743.130	34.014.109.943	30.169.309.204

8. Thu nhập khác

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ xử lý kết quả kiểm kê	3.270.000	366.671.651	3270000	375.930.505
Thu nhập khác	-	2.949.501	-	2.949.501
Cộng	3.270.000	369.621.152	3.270.000	378.880.006

9. Chi phí khác

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	-	1.291.703	-	37.842.232
Cộng	-	1.291.703	-	37.842.232

10. Lãi trên cổ phiếu

Lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá mua hàng hóa đã bán	30.005.011.092	28.690.949.746	81.788.002.369	54.008.470.939
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	184.439.268.254	207.767.474.138	398.363.901.362	368.828.074.754
Chi phí nhân công	57.046.521.712	43.458.663.692	118.110.752.121	87.441.725.443
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.508.189.038	5.510.302.905	10.916.702.617	11.018.991.702
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.281.906.156	12.076.134.474	24.152.904.086	22.097.213.420
Các chi phí khác	47.399.832.400	18.761.447.005	64.892.318.502	31.870.766.465
Cộng	335.680.728.652	316.264.971.960	698.224.581.057	575.265.242.723

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai
Trong kỳ, Công ty đã mua bằng cách nhận nợ một số tài sản cố định trị giá 80.622.006 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.17.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng tiền lương, thưởng, thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
06 tháng đầu năm 2026				
Chủ tịch Hội đồng quản trị (đến ngày 22/04/2026)	-	56.779.000	51.000.000	107.779.000
Chủ tịch Hội đồng quản trị (từ ngày 22/04/2026)	-	3.950.000	10.200.000	14.150.000
Thành viên Hội đồng quản trị	-	77.733.270	49.800.000	127.533.270
Thành viên Hội đồng quản trị (đến ngày 22/04/2026)	-	49.628.000	41.500.000	91.128.000
Thành viên Hội đồng quản trị (từ ngày 22/04/2026)	-	2.000.000	8.300.000	10.300.000
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	280.093.077	64.440.270	-	344.533.347
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	243.726.924	60.290.270	-	304.017.194
Phó Tổng Giám đốc	244.553.846	64.639.270	-	309.193.116
Phó Tổng Giám đốc	244.686.539	64.839.270	-	309.525.809
Trưởng Ban kiểm soát	255.101.538	63.040.270	-	318.141.808
Thành viên Ban kiểm soát	-	31.500.000	36.000.000	67.500.000
Thành viên Ban kiểm soát (đến ngày 22/04/2026)	-	34.628.000	30.000.000	64.628.000
Thành viên Ban kiểm soát (từ ngày 22/04/2026)	-	2.500.000	6.000.000	8.500.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kế toán trưởng	218.097.885	64.989.270	-	283.087.155
Cộng	1.486.259.809	640.956.890	232.800.000	2.360.016.699

06 tháng đầu năm 2025

Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	29.200.000	68.200.000	97.400.000
Thành viên Hội đồng quản trị	-	37.208.160	52.400.000	89.608.160
Thành viên Hội đồng quản trị	-	21.408.160	52.400.000	73.808.160
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	219.600.000	34.605.000	-	254.205.000
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	187.650.000	40.635.000	-	228.285.000
Thành viên HĐQT (đến ngày 26/03/2025)	44.706.501	28.680.000	-	73.386.501
Phó Tổng Giám đốc	187.650.000	43.905.000	-	231.555.000
Phó Tổng Giám đốc	187.650.000	39.213.160	-	226.863.160
Trưởng Ban kiểm soát	202.400.000	38.613.160	-	241.013.160
Thành viên Ban kiểm soát	-	14.500.000	36.000.000	50.500.000
Thành viên Ban kiểm soát	-	11.408.160	36.000.000	47.408.160
Kế toán trưởng	170.660.000	46.113.160	-	216.773.160
Cộng	1.200.316.501	385.488.960	245.000.000	1.830.805.461

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa	Công ty mẹ, sở hữu 51,06% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	Công ty con của Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam ⁽ⁱ⁾	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land ⁽ⁱ⁾	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist ⁽ⁱ⁾	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng ⁽ⁱ⁾	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nông trường Dừa Cam Thịnh ⁽ⁱ⁾	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Fishsan ⁽ⁱ⁾	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	Công ty con, Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang	Công ty có Giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị

⁽ⁱ⁾ Đến ngày kết thúc kỳ kế toán, các công ty này đã giải thể.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ và các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa		
Công ty chi cổ tức	22.747.500.000	19.529.150.000
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	497.502.034.371	430.099.188.961
Mua hàng hóa, dụng cụ, dịch vụ và lắp đặt thiết bị	34.266.937.327	57.725.636.532
Chi hỗ trợ bán hàng	-	21.693.749.319
Thuê xe vận chuyển	727.883.402	150.138.011
Dịch vụ ăn, uống	35.330.907	7.642.084
Bù trừ công nợ	37.900.482.019	61.826.597.329
Thu tiền bán hàng	517.238.231.138	331.941.684.754
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	100.586.674.184	49.679.103.600
Mua hàng hóa, dụng cụ, nguyên liệu	80.298.725.560	50.422.720.500
Bù trừ công nợ	87.156.584.864	54.456.742.640
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	27.635.427.726	28.631.557.426
Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu và thuê kho	30.709.272.507	56.238.476.933
Chia sẻ tiền thuê mặt bằng	-	570.000.000
Bù trừ công nợ	29.995.780.288	38.099.732.325
Công ty chuyển tiền thưởng	1.822.057.000	32.000.000
Công ty sử dụng dịch vụ	-	1.757.502
Công ty thanh toán tiền mua hàng	28.522.401.583	10.571.920.983
Thu tiền bán hàng	-	603.493.350
Công ty TNHH MTV Cung ứng vật tư nguyên liệu Khánh Hòa		
Doanh thu bán hàng hóa	32.044.445	-
Chi phí sử dụng dịch vụ	1.075.643.614	14.946.260
Công ty thanh toán tiền	137.652.184	16.141.960
Thu tiền bán hàng	33.768.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa</i>		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.018.151.313	453.821.000
Mua hàng hóa, công cụ, sử dụng dịch vụ	1.519.111.946	1.556.103.310
Bù trừ công nợ	1.079.962.224	1.075.769.837
<i>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam</i>		
Mua xăng dầu và dịch vụ khác	-	3.620.311.380
Công ty thanh toán tiền	-	7.801.712.492
<i>Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land</i>		
Mua vật liệu, phí tư vấn, sửa chữa...	92.315.006	17.874.427
Công ty thanh toán tiền	100.846.508	-
<i>Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist</i>		
Chi phí thuê xe, dịch vụ du lịch, chi phí khác	-	65.772.740
<i>Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và nhà hàng Yến sào Khánh Hòa</i>		
Chi phí sử dụng dịch vụ	-	21.713.132
<i>Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa</i>		
Chi phí sử dụng dịch vụ	-	120.370.370
<i>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng</i>		
Mua nguyên liệu, hàng hóa	-	123.250.443
<i>Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang</i>		
Mua vật tư, chi phí sử dụng dịch vụ, chi phí thuê mặt bằng	176.631.436	779.788.025
Công ty thanh toán tiền	31.755.000	827.598.100

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5 và V.12.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ Yến sào và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt, ngày 29 tháng 7 năm 2026

Ngô Thị Xuân Nghĩa
Người lập biểu/Kế toán trưởng

Lê Hoàng Anh
Tổng Giám đốc



Nguyễn Khoa Bảo
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật